

## **ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2019**

### **1. Thông tin chung về trường**

*1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường*

Trường Sĩ quan Thông tin - trường đại học thuộc hệ thống giáo dục đại học quốc gia, tiền thân là Trường Thông tin được thành lập ngày 11 tháng 11 năm 1951 theo Quyết định số 132/QĐ của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Nhà trường có chức năng đào tạo bồi dưỡng cán bộ, sĩ quan thông tin cho Quân đội; đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Là trung tâm nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng thông tin liên lạc cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tọa lạc tại trung tâm thành phố biển Nha Trang xinh đẹp, Trường Sĩ quan Thông tin sở hữu khu học xá khang trang, tiện nghi với tổng diện tích xây dựng hơn 116.140.000 m<sup>2</sup> tạo không gian học tập hiện đại, năng động, thoải mái. 100% phòng học lý thuyết được trang bị máy tính, projector, âm thanh; trên 50 phòng thực hành, thí nghiệm, mô phỏng sử dụng công nghệ tiên tiến nhất. Thư viện trường với hệ thống học liệu phong phú, đa dạng, bảo đảm nhu cầu học tập, nghiên cứu, tham khảo cho học viên toàn trường.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên của Nhà trường có học hàm, học vị cao, giỏi chuyên môn, vững nghiệp vụ, kỹ năng giảng dạy tốt. 100% giảng viên có trình độ đại học trở lên, trong đó trên 81% có trình độ sau đại học, nhiều nhà giáo được Nhà nước phong tặng danh hiệu Phó Giáo sư, Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú và giảng viên giỏi cấp Bộ Quốc phòng.

Trải qua gần 70 năm xây dựng và phát triển, đặc biệt sau 20 năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo ở bậc đại học (từ năm 1998), Nhà trường luôn khẳng định vị thế là cơ sở duy nhất đào tạo sĩ quan chỉ huy tham mưu thông tin cấp phân đội, cung cấp hàng vạn cán bộ, sĩ quan thông tin cho toàn quân và quân đội các nước trong khu vực. Nhiều học viên của Nhà trường sau khi tốt nghiệp đã phát triển vững chắc trong sự nghiệp, giữ nhiều chức vụ quan trọng trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và Quân đội.

Với những thành tích trong giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học, Trường Sĩ quan Thông tin đã vinh dự nhận được nhiều phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà

nước và nhiều cờ thi đua, bằng khen của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng, Binh chủng Thông tin liên lạc, UBND tỉnh Khánh Hòa, đặc biệt Nhà trường đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Danh hiệu đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ đổi mới và Huân chương Hồ Chí Minh.

Trường Sĩ quan Thông tin cam kết là đơn vị uy tín trong đào tạo sĩ quan chỉ huy tham mưu thông tin cấp phân đội trình độ đại học; trang bị cho thế hệ trẻ Việt Nam tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, sự năng động, sáng tạo và hội nhập; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao góp phần xây dựng và củng cố quốc phòng an ninh, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Địa chỉ: Số 101 Mai Xuân Thưởng, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Trang thông tin điện tử: [tcu.edu.vn](http://tcu.edu.vn);

Email: [tcu@tsqtt.edu.vn](mailto:tcu@tsqtt.edu.vn);

ĐT: 0258 3 831805; (Fax): 0258 3 832055.

### 1.2. Quy mô đào tạo

Nhóm ngành	Quy mô hiện tại			
	ĐH		CDSP	
	GD chính quy	GDTX	GD chính quy	GDTX
Nhóm ngành VII	HVĐH: 1474			
<b>Tổng số</b>	<b>1474</b>			

### 1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

#### 1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Tuyển sinh đào tạo sĩ quan Chỉ huy - Tham mưu Thông tin: Xét tuyển theo kết quả Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia.

#### 1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Nhóm ngành/ Ngành/Tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh - 2			Năm tuyển sinh - 1		
	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT
Nhóm ngành VII Ngành Chỉ huy Tham mưu - Thông tin	379	379		385	386	
<i>Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hoá</i>						
<i>Miền Bắc</i>		232	24.50		223	20.25
<i>Miền Nam</i>		112	23.50		106	18.35
<i>Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh</i>						
<i>Miền Bắc</i>		14	24.50		28	20.25
<i>Miền Nam</i>		21	23.50		29	18.35
<b>Tổng</b>		<b>379</b>			<b>386</b>	

## **2. Các thông tin của năm tuyển sinh**

### *2.1. Đối tượng tuyển sinh*

#### *2.1.1. Đào tạo sĩ quan Chỉ huy - Tham mưu Thông tin*

- Tuyển thí sinh nam thanh niên ngoài Quân đội (kể cả quân nhân đã xuất ngũ, công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia công an nhân dân) đủ tiêu chuẩn sơ tuyển theo quy định của Bộ Quốc phòng.

- Hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ theo quy định của pháp luật về nghĩa vụ quân sự, có thời gian phục vụ tại ngũ từ 12 tháng trở lên (tính đến tháng 4 năm tuyển sinh); Quân nhân chuyên nghiệp; Công nhân và viên chức quốc phòng phục vụ Quân đội đủ 12 tháng trở lên (tính đến tháng 9 năm tuyển sinh), nếu có nguyện vọng đăng ký dự tuyển, đơn vị tổ chức sơ tuyển, lập hồ sơ sơ tuyển, trường hợp đủ tiêu chuẩn, gửi đến Ban Tuyển sinh quân sự các đơn vị có thí sinh đăng ký dự tuyển theo đúng quy trình, quy định của ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng và bảo đảm đủ quân số thực hiện nhiệm vụ và sẵn sàng chiến đấu.

#### *2.1.2 Điều kiện sơ tuyển đối với thí sinh đăng ký xét tuyển*

##### a) Tiêu chuẩn về chính trị đạo đức

- Thí sinh tự nguyện đăng ký dự tuyển vào Trường Sĩ quan Thông tin;
- Khi tốt nghiệp chấp hành sự phân công công tác của Bộ Quốc phòng;
- Lý lịch chính trị gia đình và bản thân rõ ràng, đủ điều kiện để có thể kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam theo Điều lệ Đảng, không vi phạm quy định tại Điều 7, Điều 8 Thông tư số 05/2019/TT-BQP ngày 16/01/2019 của Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn chính trị của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng trong Quân đội nhân dân Việt nam;
- Phẩm chất đạo đức tốt, là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt nam hoặc đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Trường hợp là quân nhân phải được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian phục vụ tại ngũ;
- Trên cơ thể không có hình xăm.

##### b) Yêu cầu về văn hóa

Thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tính đến thời điểm xét tuyển đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp được công nhận hoàn thành các môn văn hóa THPT theo quy định.

##### c) Tiêu chuẩn về độ tuổi (tính đến năm dự tuyển)

- Thanh niên ngoài Quân đội: Từ 17 đến 21 tuổi;

- Quân nhân tại ngũ hoặc đã xuất ngũ và công dân hoàn thành nghĩa vụ tham gia công an nhân dân: Từ 18 đến 23 tuổi.

d) Tiêu chuẩn về sức khỏe

- Tuyển chọn thí sinh đạt Điểm 1 và Điểm 2 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2016/TTLT-BYT-BQP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định việc khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự theo các chỉ tiêu: Thê lực (trừ chiều cao, cân nặng có quy định riêng); mắt (trừ tật khúc xạ cận thị có quy định riêng); tai- mũi- họng; răng- hàm- mặt; nội khoa; tâm thần kinh; ngoại khoa; da liễu.

- Thê lực: Thí sinh cao từ 1,65 m trở lên, cân nặng từ 50 kg trở lên.

- Mắt: Không tuyển thí sinh mắc tật khúc xạ cận thị.

- Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên thuộc khu vực 1, hải đảo và thí sinh là người dân tộc thiểu số, dự tuyển vào trường: Có thể lực đạt Điểm 1 và Điểm 2, nhưng thí sinh phải đạt chiều cao từ 1,62 m trở lên.

- Thí sinh là người dân tộc thiểu số thuộc 16 dân tộc rất ít người được Ủy ban Dân tộc của Chính phủ đưa vào Đề án Hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016 - 2020 (gồm các dân tộc: Công, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chút, Ở Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ) dự tuyển vào trường: Có chiều cao từ 1,60 m trở lên, các tiêu chuẩn khác thực hiện như đối với thí sinh là dân tộc thiểu số nói chung.

e) Hồ sơ đăng ký sơ tuyển

Sử dụng 01 bộ hồ sơ đăng ký sơ tuyển đại học do Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng in, phát hành thống nhất trong toàn quốc, gồm:

- 03 phiếu đăng ký sơ tuyển;

- 01 phiếu khám sức khỏe;

- 01 bản thẩm tra, xác minh chính trị;

- 01 giấy chứng nhận được hưởng ưu tiên đối với những thí sinh thuộc diện ưu tiên (nếu có);

- 04 ảnh chụp thẳng chân dung kiểu chứng minh nhân dân, cỡ 4x6 cm, trên nền phong màu xanh hoặc vàng, trong thời hạn 6 tháng tính đến thời điểm đăng ký dự tuyển.

f) Đăng ký sơ tuyển và đăng ký xét tuyển nguyện vọng 1

- Thí sinh là thanh niên ngoài Quân đội mua hồ sơ và đăng ký sơ tuyển tại Ban Tuyển sinh quân sự cấp quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh. Thí sinh là quân nhân đang tại ngũ đăng ký sơ tuyển tại đơn vị cấp trung đoàn;

- Mỗi thí sinh chỉ được đăng ký một nguyện vọng 1 (nguyện vọng cao nhất) vào 01 trường trong Quân đội (Trường Sĩ quan Thông tin) ngay từ khi làm hồ sơ sơ tuyển; các nguyện vọng còn lại thí sinh đăng ký vào các trường ngoài Quân đội hoặc hệ dân sự của các trường Quân đội, thực hiện đăng ký theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Các trường Quân đội nói chung, Trường Sĩ quan Thông tin nói riêng chỉ xét tuyển đối với thí sinh đăng ký nguyện vọng 1 vào trường (nguyện vọng cao nhất). Thí sinh sơ tuyển và đăng ký xét tuyển vào Trường Sĩ quan Thông tin thì không tham gia sơ tuyển vào các trường khác thuộc hệ thống các nhà trường quân đội, công an và ngược lại.

g) Thời gian đăng ký sơ tuyển

- Thí sinh đăng ký sơ tuyển từ ngày 01 tháng 3 đến trước ngày 25 tháng 4 năm 2019;

- Thí sinh là thanh niên ngoài Quân đội: Do Hội đồng khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự cấp huyện khám sơ tuyển: Khám lâm sàng và kết luận sức khỏe theo 8 chỉ tiêu quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2016/TTLT-BYT-BQP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về Quy định việc khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự;

- Các đơn vị, địa phương (Ban Tuyển sinh quân sự huyện, quận, thị xã, TP) tổ chức khám sức khỏe cho thí sinh đăng ký dự tuyển vào 2 đợt:

+ Đợt 1 vào tuần 4 tháng 3 năm 2019;

+ Đợt 2 vào tuần 2 tháng 4 năm 2019.

## 2.2. Phạm vi tuyển sinh

Xét tuyển, tuyển sinh trên cả nước.

## 2.3. Phương thức tuyển sinh

Tuyển sinh đào tạo sĩ quan Chỉ huy - Tham mưu Thông tin: Xét tuyển theo kết quả Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2019.

## 2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Ngành học	Mã ngành	Môn xét tuyển	Tổng chỉ tiêu	Xét tuyển kết quả kỳ thi THPT	Ghi chú
<b>Ngành đào tạo đại học</b>					
Chỉ huy - Tham mưu Thông tin	7860221	- Toán, Vật lý, Hóa học - Toán, Vật lý, Tiếng Anh	426	426	

## 2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT

- Xét tuyển theo kết quả Kỳ thi THPT quốc gia năm 2019;
- Tiêu chí xét tuyển:
  - + Tham gia và tốt nghiệp THPT trong Kỳ thi THPT quốc gia năm 2019;
  - + Đạt điểm tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo với các môn trong tổ hợp môn xét tuyển.

- Trường chỉ nhận hồ sơ xét tuyển đại học Quân sự đối với những thí sinh đã qua sơ tuyển, có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Quốc phòng, dự Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2019 đăng ký xét tuyển để lấy kết quả xét tuyển đại học, các môn thi phù hợp với tổ hợp các môn xét tuyển vào Trường Sĩ quan Thông tin.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: Mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

- Đăng ký xét tuyển: Mã trường TTH; mã số ngành 7860221; tổ hợp xét tuyển A00 (Toán, Lý Hóa); A01 (Toán, Lý, Tiếng Anh);

- Để xét tuyển đợt 1, thí sinh nộp phiếu đăng ký xét tuyển cùng với hồ sơ đăng ký dự thi THPT quốc gia theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo kèm theo lệ phí đăng ký xét tuyển. Trong các đợt xét tuyển bổ sung, thí sinh thực hiện đăng ký xét tuyển và nộp lệ phí theo quy định của trường;

- Sau khi có kết quả thi THPT quốc gia, thí sinh được điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển một lần trong thời gian quy định, bằng phương thức trực tuyến hoặc trực tiếp tại nơi đăng ký dự thi;

- Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin đăng ký xét tuyển và đăng ký dự thi. Trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin đăng ký xét tuyển và dữ liệu đăng ký dự thi với hồ sơ gốc;

- Đối với xét tuyển đợt 1: Thí sinh phải đăng ký xét tuyển nguyện vọng 1 (nguyện vọng cao nhất) vào hệ đào tạo đại học quân sự tại Trường Sĩ quan Thông tin, đã nộp hồ sơ sơ tuyển; các nguyện vọng còn lại thí sinh đăng ký vào các trường ngoài Quân đội hoặc hệ dân sự của các trường trong Quân đội.

+ Sau khi kết thúc thời gian đăng ký xét tuyển, Trường tham khảo thông tin trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo để chuẩn bị phương án tuyển sinh phù hợp;

+ Sau khi hết thời hạn thí sinh được điều chỉnh nguyện vọng đăng ký xét tuyển, Trường khai thác thông tin (của trường và của các trường khác có liên quan) trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo để dự kiến điểm trúng tuyển, dự kiến danh sách thí sinh trúng tuyển vào trường.

+ Trên cơ sở kết quả đăng ký xét tuyển theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển

của thí sinh và chỉ tiêu đào tạo, Trường đề xuất điểm tuyển nguyện vọng 1.

+ Căn cứ vào tổng điểm thi của thí sinh, gồm tổng điểm các môn thi và điểm ưu tiên, Trường xét tuyển theo đúng ngành đăng ký của thí sinh; thực hiện xét tuyển từ thí sinh có tổng điểm cao nhất trở xuống đến đủ chỉ tiêu.

+ Trường hợp xét tuyển đến một mức điểm nhất định vẫn còn chỉ tiêu, nhưng số thí sinh có điểm bằng nhau cao hơn số lượng chỉ tiêu còn lại, thực hiện xét tuyển theo các tiêu chí phụ, như sau:

\* Tiêu chí 1: Căn cứ vào điểm thi môn Toán, thí sinh có điểm thi môn Toán cao hơn sẽ trúng tuyển;

\* Tiêu chí 2: Sau khi xét tiêu chí 1, trường vẫn còn chỉ tiêu, nhưng có nhiều thí sinh cùng bằng điểm, cùng có tiêu chí 1 như nhau, thì xét đến tiêu chí 2, như sau: Căn cứ vào điểm thi môn Vật lý, thí sinh có điểm thi môn Vật lý cao hơn sẽ trúng tuyển;

\* Tiêu chí 3: Sau khi xét tiêu chí 2, trường vẫn còn chỉ tiêu, nhưng có nhiều thí sinh cùng bằng điểm, cùng có tiêu chí 1 và tiêu chí 2 như nhau thì xét đến tiêu chí 3, như sau: Căn cứ vào điểm thi môn Hóa học hoặc môn Tiếng Anh, thí sinh có điểm thi môn Hóa học hoặc môn Tiếng Anh cao hơn sẽ trúng tuyển. Khi xét đến tiêu chí 3 vẫn chưa đủ chỉ tiêu thì Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường quyết định tuyển nguyện vọng bổ sung tiếp theo hoặc báo cáo Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng không tuyển số chỉ tiêu còn thiếu.

- Xét tuyển bổ sung

+ Khi Trường xét tuyển nguyện vọng 1 còn thiếu chỉ tiêu, hoặc khi thí sinh đến nhập học không đủ và đến nhập học nhưng không đủ tiêu chuẩn nhập học, phải loại ra, số lượng vào học thực tế còn thiếu so với chỉ tiêu Bộ Quốc phòng giao thì được xét tuyển nguyện vọng bổ sung cho đủ chỉ tiêu; quy trình xét tuyển thực hiện theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Quốc phòng;

+ Trường chỉ xét tuyển những thí sinh đăng ký dự tuyển vào đại học hệ quân sự trong các trường Quân đội, không trúng tuyển nguyện vọng 1, đã tham dự Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2019, có đủ điều kiện về sức khỏe, vùng tuyển và tổ hợp môn xét tuyển của Trường Sĩ quan Thông tin (tổ hợp A00, A01);

+ Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng thông báo chỉ tiêu, các trường tiếp nhận hồ sơ, xét tuyển, tổng hợp báo cáo theo quy trình, khi có quyết định của Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng mới triệu tập thí sinh nhập học.

+ Xét tuyển bổ sung có thể được thực hiện một lần hay nhiều lần. Trường hợp xét tuyển đến một mức điểm nhất định vẫn còn chỉ tiêu, nhưng số thí sinh có điểm bằng nhau cao hơn số lượng chỉ tiêu còn lại, thực hiện xét tuyển theo các tiêu chí phụ như xét tuyển đợt 1.

### 2.7. Tổ chức tuyển sinh:

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển của thí sinh thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhận hồ sơ xét tuyển trực tuyến; trực tiếp tại trường; chuyển phát qua đường bưu điện.

- Trường chỉ nhận hồ sơ đối với các thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có kết quả Kỳ thi THPT quốc gia năm 2019.

### 2.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển

#### 2.8.1. Đối tượng được xét tuyển thẳng

- Đối tượng 1: Thí sinh thuộc một trong các đối tượng được quy định tại Điểm a, Điểm c, Điểm e, Khoản 2, Điều 7 Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy, tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối tượng 2: Thí sinh thuộc một trong các đối tượng được quy định tại Điểm i, Khoản 2, Điều 7 Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### 2.8.2. Đối tượng được ưu tiên xét tuyển

Thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 7 Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy, tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### 2.8.3. Chỉ tiêu xét tuyển thẳng thí sinh thuộc diện quy định tại các điểm a, c, e, Khoản 2, Điều 7 Quy chế tuyển sinh và ưu tiên xét tuyển

- Xét tuyển thẳng ngành Chỉ huy tham mưu Thông tin: 21 thí sinh trong đó:

+ Tuyển tối đa thí sinh có hộ khẩu thường trú phía Bắc: 14

+ Tuyển tối đa thí sinh có hộ khẩu thường trú phía Nam: 07

- Chỉ tiêu xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh theo 2 miền Nam - Bắc do Bộ Quốc phòng giao năm 2019.

- Môn đoạt giải được xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển: Môn Toán.

#### 2.8.4. Chỉ tiêu xét tuyển thẳng thí sinh thuộc diện quy định tại Điểm i, Khoản 2, Điều 7 Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy, tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển thẳng ngành Chỉ huy tham mưu Thông tin: 13 thí sinh trong đó:

+ Tuyển tối đa thí sinh có hộ khẩu thường trú phía Bắc: 08

+ Tuyển tối đa thí sinh có hộ khẩu thường trú phía Nam: 05

- Chỉ tiêu xét tuyển thẳng, trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh theo 2 miền Nam - Bắc do Bộ Quốc phòng giao năm 2019.

#### 2.8.5. Tổ chức xét tuyển thẳng

a) Trường hợp số thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thuộc diện quy định tại các điểm a, c, e, Khoản 2, Điều 7 Quy chế tuyển sinh vượt quá chỉ tiêu quy định, các trường tuyển theo thứ tự như sau:



- Thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng tại Điểm a, Khoản 2, Điều 7 Quy chế tuyển sinh hệ chính quy của Bộ GD & ĐT.

- Thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng tại Điểm c, Khoản 2, Điều 7 Quy chế tuyển sinh hệ chính quy của Bộ GD & ĐT.

- Đối với thí sinh đoạt giải học sinh giỏi: Tuyển thí sinh đề nghị tuyển thẳng trước, sau đó đến thí sinh đề nghị ưu tiên xét tuyển; trong xét tuyển thẳng, tuyển theo thứ tự thí sinh đạt giải cao trở xuống đến hết chỉ tiêu.

- Thí sinh đề nghị ưu tiên xét tuyển, các trường căn cứ vào kết quả Kỳ thi THPT quốc gia của thí sinh để xét tuyển; những thí sinh có điểm thi theo tổ hợp môn thi đăng ký xét tuyển vào trường đạt điểm tuyển theo từng đối tượng (nam, nữ; miền Nam, miền Bắc) của trường trở lên được trúng tuyển như thí sinh dự thi đăng ký xét tuyển theo các nguyện vọng vào trường; những thí sinh có kết quả thi đáp ứng tiêu chí quy định về ngưỡng điểm bảo đảm chất lượng của trường tuyển sinh quy định trở lên đến cận điểm tuyển, thì xét tuyển từ thí sinh có tổng điểm thi và điểm ưu tiên theo tổ hợp các môn xét tuyển vào trường từ cao trở xuống đến hết chỉ tiêu;

- Trường hợp có nhiều thí sinh có điều kiện, tiêu chuẩn được xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển như nhau, số lượng vượt quá chỉ tiêu quy định, các trường xét theo các tiêu chí phụ như sau:

+ Tiêu chí 1: Thí sinh có tổng cộng điểm tổng kết 3 năm học THPT (lớp 10, lớp 11 và lớp 12) cao hơn sẽ trúng tuyển;

+ Tiêu chí 2: Sau khi xét tiêu chí 1, trường vẫn còn chỉ tiêu, nhưng có nhiều thí sinh có điều kiện, tiêu chuẩn xét tuyển như nhau, cùng có tiêu chí 1: Thí sinh có tổng cộng điểm tổng kết môn học của môn đoạt giải đăng ký xét tuyển trong 3 năm học THPT (lớp 10, lớp 11 và lớp 12) cao hơn sẽ trúng tuyển.

+ Tiêu chí 3: Sau khi xét tiêu chí 1 và tiêu chí 2, trường vẫn còn chỉ tiêu, nhưng có nhiều thí sinh có điều kiện, tiêu chuẩn xét tuyển như nhau, cùng có tiêu chí 1 và tiêu chí 2: Thí sinh có điểm tổng kết môn học của môn đoạt giải đăng ký xét tuyển trong năm học THPT lớp 12 cao hơn sẽ trúng tuyển.

Khi xét đến tiêu chí 3, vẫn còn nhiều thí sinh có điều kiện, tiêu chuẩn xét tuyển như nhau, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh nhà trường tổng hợp, báo cáo Ban TSQS Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định.

b) Đối với xét tuyển thẳng thí sinh thuộc diện quy định tại Điểm i, Khoản 2, Điều 7 Quy chế tuyển sinh

\* Về tiêu chuẩn:

- Về học lực, thí sinh đạt các tiêu chuẩn:

+ Kết quả học tập 3 năm (lớp 10, lớp 11 và lớp 12) đạt học lực khá trở lên, trong đó điểm tổng kết trung bình môn học năm lớp 12 của 3 môn học theo tổ hợp thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng phải đạt khá trở lên;

+ Thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2014 trở về trước, tốt nghiệp THPT đạt loại khá trở lên; thí sinh dự Kỳ thi THPT quốc gia từ năm 2015 đến năm 2019, điểm thi các bài thi/môn thi xét tốt nghiệp THPT tại Kỳ thi THPT quốc gia đạt từ 6,5 điểm trở lên (theo thang điểm 10).

- Về hạnh kiểm (rèn luyện): Xếp loại hạnh kiểm (rèn luyện) các năm học THPT hoặc tương đương của thí sinh phải đạt khá trở lên.

\* Về tổ chức xét tuyển:

- Điểm xét tuyển là tổng cộng điểm trung bình chung của 3 môn theo tổ hợp thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng trong 3 năm học THPT (lớp 10, lớp 11 và lớp 12) cộng với điểm ưu tiên (nếu có). Xét tuyển theo phương thức lấy từ thí sinh có tổng số điểm cao nhất trở xuống đến đủ chỉ tiêu quy định;

- Trường hợp xét tuyển đến một mức điểm nhất định vẫn còn chỉ tiêu, nhưng số thí sinh cùng bằng điểm cao hơn số lượng chỉ tiêu còn lại, các trường xét theo các tiêu chí phụ như sau:

+ Tiêu chí 1: Thí sinh có tổng cộng điểm tổng kết 3 năm học THPT (lớp 10, lớp 11 và lớp 12) cao hơn sẽ trúng tuyển;

+ Tiêu chí 2: Sau khi xét tiêu chí 1, trường vẫn còn chỉ tiêu, nhưng có nhiều thí sinh có điều kiện, tiêu chuẩn xét tuyển như nhau, cùng có tiêu chí 1: Thí sinh có điểm tổng kết của năm lớp 12 cao hơn sẽ trúng tuyển;

+ Tiêu chí 3: Sau khi xét tiêu chí 1 và tiêu chí 2, trường vẫn còn chỉ tiêu, nhưng có nhiều thí sinh có điều kiện, tiêu chuẩn xét tuyển như nhau, cùng có tiêu chí 1 và tiêu chí 2: Thí sinh có điểm tổng kết của năm lớp 11 cao hơn sẽ trúng tuyển.

Khi xét đến tiêu chí 3, vẫn còn nhiều thí sinh có điều kiện, tiêu chuẩn xét tuyển như nhau, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh nhà trường, tổng hợp, báo cáo Ban TSQS Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định.

#### *2.9. Lệ phí sơ tuyển, lệ phí xét tuyển*

- Lệ phí sơ tuyển: 50.000đ/thí sinh, nộp về Ban Tuyển sinh quân sự cấp huyện khi làm hồ sơ sơ tuyển.

- Lệ phí tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Tài chính năm 2019.

### **3. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm**

Tuyển sinh bổ sung đợt 1 và các đợt tiếp theo: Thực hiện khi có Quyết định của Ban Tuyển sinh quân sự Bộ Quốc phòng.

### **4. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng chính**

#### *4.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu*

##### *4.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng*

Trường Sĩ quan Thông tin đứng chân trên địa bàn Thành phố Nha Trang và Thị xã Ninh Hòa thuộc Tỉnh Khánh Hòa. Tổng diện tích đất quốc phòng do Nhà trường quản lý tại 2 cơ sở là 2.662.824 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Cơ sở 1: Thuộc phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa có diện tích 353.839 m<sup>2</sup>, là cơ sở chính của Nhà trường, có nhà Ban Giám hiệu, khu nhà làm việc của các cơ quan, khoa giáo viên, giảng đường huấn luyện, nhà ở học viên quân sự và các công trình phụ trợ khác.

- Cơ sở 2: Thuộc Xã Ninh Sim, Huyện Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa có diện tích 2.308.985 m<sup>2</sup> là khu thao trường huấn luyện tổng hợp và Trung tâm giáo dục QP-AN của Nhà trường.

- Diện tích nhà: Tổng số diện tích xây dựng 49.668 m<sup>2</sup>; trong đó diện tích sử dụng là 66.472 m<sup>2</sup>. Ngoài ra, tổng số diện tích nhà của Trung tâm Giáo dục quốc phòng - an ninh có diện tích 5592 m<sup>2</sup>.

*4.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị*

<b>TT</b>	<b>Tên</b>	<b>Các trang thiết bị chính</b>
01	Phòng thực hành quân sự 100m <sup>2</sup> x7 phòng	Máy tính, Projector, Màn chiếu, Mô hình - học cụ.
02	Phòng thực hành, thí nghiệm cơ sở 50m <sup>2</sup> x6 phòng	Máy tính, Projector, Màn chiếu, trang thiết bị thực hành thí nghiệm.
03	Phòng thực hành, thí nghiệm chuyên ngành 50m <sup>2</sup> x18 phòng	Máy tính, Projector, Màn chiếu, trang thiết bị thực hành thí nghiệm.
04	Phòng máy tính 70m <sup>2</sup> x10 phòng	Máy tính, Projector, Màn chiếu.
05	Phòng thí nghiệm vật lý 76m <sup>2</sup>	Máy tính, Projector, Màn chiếu, bộ thí nghiệm.
06	Xưởng thực hành, thực tập 600m <sup>2</sup> x2	Máy tính, Projector, Màn chiếu, mô hình học cụ.
07	Trung tâm học liệu - Thư viện 4300m <sup>2</sup>	Máy tính, Projector, Màn chiếu, tài liệu các loại, bài giảng điện tử, Ebook...
08	Thao trường chiến thuật 10.000m <sup>2</sup>	Máy bắn tập, trang bị tập chiến thuật đồng bộ.
09	Nhà thể thao đa năng 2.900m <sup>2</sup>	Lưới bóng chuyền, cầu lông
10	Hồ bơi 2.500m <sup>2</sup>	Phao, dây thừng, sào...
11	Sân bóng mặt cỏ nhân tạo 6.534m <sup>2</sup>	Khán đài, đường Pis, sân vận động.
12	Trung tâm CNTT - Ngoại ngữ 70m <sup>2</sup> x8	Máy tính, Projector, Màn chiếu, loa, mic, tai nghe.
13	Trường bắn súng BB 36.000 m <sup>2</sup>	Đài chỉ huy, khu mục tiêu, thiết bị trường bắn.
14	Bãi tập thể thao ngoài trời 16.200m <sup>2</sup>	Thiết bị thể thao ngoài trời, sân tập bóng rổ, sân bóng chuyền.
15	Bãi tập thể lực tổng hợp 1.700m <sup>2</sup>	Thiết bị tập thể lực tổng hợp.
16	Bãi vượt vật cản	Thiết bị tập vật cản.

4.1.3. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
01	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	02
02	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	12
03	Phòng học từ 50 -100 chỗ	6
04	Số phòng học dưới 50 chỗ	19
05	Số phòng học đa phương tiện	50

4.1.4. Thống kê về học liệu (Sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
01	Nhóm ngành VII	132.159

4.2. Danh sách giảng viên cơ hữu

STT	Nhóm ngành	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
		GS	PGS	TS	TSKH	ThS	ĐH
	<b>Nhóm ngành VII</b>						
01	Bùi Sơn Hà		X	X			
02	Phạm Văn Huynh		X	X			
03	Nguyễn Hà Hải		X	X			
04	Nguyễn Như Thắng			X			
05	Lê Xuân Hùng			X			
06	Nguyễn Đình Thi			X			
07	Nguyễn Văn Chính			X			
08	Hà Sĩ Chiến			X			
09	Nhữ Văn Thao			X			
10	Nguyễn Anh Tuấn			X			
11	Trần Tiến Quân			X			
12	Lê Ngọc Bích					X	
13	Đặng Văn Tiến					X	
14	Bùi Nguyên Thái					X	
15	Nguyễn Sơn Hà					X	
16	Vũ Mạnh Hoạch					X	
17	Nguyễn Hữu Hội					X	
18	Nguyễn Hoàng Vũ					X	
19	Trần Thành Nam					X	
20	Đỗ Đông Chinh					X	
21	Lê Quang Hòa					X	

STT	Nhóm ngành	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
		GS	PGS	TS	TSKH	ThS	ĐH
	<b>Nhóm ngành VII</b>						
22	Ngô Hoài Phương					X	
23	Nguyễn Đức Nghĩa					X	
24	Nguyễn Trung Thành					X	
25	Vũ Tuấn Anh					X	
26	Đào Văn Khá					X	
27	Đỗ Minh Bằng					X	
28	Nguyễn Hữu Thạnh					X	
29	Nguyễn Duy Trọng					X	
30	Hoàng Đình Dũng					X	
31	Vũ Tuấn Anh					X	
32	Nguyễn Phi Hà						X
33	Phan Kim Thành						X
34	Nguyễn Đại Quảng						X
35	Vũ Xuân Bang						X
36	Nguyễn Văn Tiến						X
37	Bùi Chiến						X
38	Hồ Huy Hoàng						X
39	Lê Mạnh Hùng						X
40	Vũ Thanh Tùng						X
41	Đặng Văn Tùng						X
42	Nông Ngọc Thạch						X
43	Phan Ngô Trung						X
44	Nguyễn Mai lâm			X			
45	Vương Tự Hùng			X			
46	Nguyễn Trọng Vĩnh			X			
47	Trần Văn Cảnh					X	
48	Mai Đức Hiệp					X	
49	Nguyễn Văn Giang					X	
50	Nguyễn Đình Chung					X	
51	Đình Văn Khánh					X	
52	Đình Văn Thành					X	
53	Nguyễn Anh Tuấn					X	
54	Trần Văn Sơn					X	

STT	Nhóm ngành	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
		GS	PGS	TS	TSKH	ThS	ĐH
	<b>Nhóm ngành VII</b>						
55	Cao Văn Thắng					X	
56	Lương Đắc Ý						X
57	Nguyễn Việt Khoa						X
58	Trần Sơn Hoàn						X
59	Dương Trọng Hùng						X
60	Nguyễn Văn Nhâm						X
61	Nguyễn Tuấn Tài						X
62	Nguyễn Văn Hoài						X
63	Phan Văn Nam						X
64	Nguyễn Ngọc Đức					X	
65	Phan Văn Quốc					X	
66	Hồ Vĩnh Hiệp					X	
67	Lê Văn Hội					X	
68	Nguyễn Tấn Nguyên					X	
69	Nguyễn Đức Tuấn					X	
70	Nguyễn Ngọc Anh					X	
71	Bùi Phi Lâm					X	
72	Dương Văn Nguyên					X	
73	Nguyễn Doãn Thanh Tân						X
74	Nguyễn Hữu Yên						X
75	Vũ Văn Đài					X	
76	Trần Minh Đức					X	
77	Bùi Hữu Hân					X	
78	Bùi Vĩnh An					X	
79	Ngô Viết Quyên					X	
80	Nguyễn Văn Hưng					X	
81	Ngô Thành Nhân					X	
82	Đào Văn Tôn					X	
83	Ngô Hữu Phúc						X
84	Trương Công Xây						X
85	Nguyễn Đức Hùng						X
86	Nguyễn Công Nguyên						X
87	Đình Thiện Xuân						X

STT	Nhóm ngành	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
		GS	PGS	TS	TSKH	ThS	ĐH
	<b>Nhóm ngành VII</b>						
88	Nguyễn Văn Duẩn			X			
89	Trần Văn Thuận					X	
90	Trịnh Văn Khích					X	
91	Phạm Thanh Bình					X	
92	Đỗ Văn Phương					X	
93	Nguyễn Ngọc Bình					X	
94	Nguyễn Thạc Dũng					X	
95	Lê Đình Mạnh					X	
96	Nguyễn Minh Tân					X	
97	Thân Văn Bình					X	
98	Nguyễn Đức Chương					X	
99	Phan Văn Hưng					X	
100	Phan Thanh Minh					X	
101	Nguyễn Trọng Công					X	
102	Bùi Anh Đức					X	
103	Võ Quang Dũng					X	
104	Trần Mạnh Hoàng					X	
105	Trần Lương Hùng					X	
106	Dương Mạnh Thành					X	
107	Vũ Anh Tuấn					X	
108	Ngô Thanh Tùng					X	
109	Nguyễn Đình Long					X	
110	Tạ Hữu Long					X	
111	Nguyễn Hoàn Việt						X
112	Nguyễn Công Huân						X
113	Lê Xuân Nghệ						X
114	Vũ Việt Hùng						X
115	Lê Hội Hồng						X
116	Trương Văn Sỹ						X
117	Đình Công Hùng						X
118	Vũ Xuân Hậu						X
119	Nguyễn Văn Anh						X
120	Hà Quốc Anh			X			

STT	Nhóm ngành	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
		GS	PGS	TS	TSKH	ThS	ĐH
	<b>Nhóm ngành VII</b>						
121	Trần Đình Tấn			X			
122	Trần Thế Nghiệp			X			
123	Vũ Đức Hiệp			X			
124	Hoàng Văn Toàn			X			
125	Phạm Ngọc Quế					X	
126	Chu Tiến Dũng					X	
127	Bùi Văn Thành					X	
128	Đỗ Ngọc Tuấn					X	
129	Trần Văn Vĩnh					X	
130	Nguyễn Trung Hiếu					X	
131	Nguyễn Hữu Minh					X	
132	Lê Văn Thắng					X	
133	Dương Trung Thu					X	
134	Lê Ngọc Tú					X	
135	Nguyễn Anh Đức					X	
136	Nguyễn Đức Thắng					X	
137	Cao Minh Tiến					X	
138	Nguyễn Thành Trung					X	
139	Trần Ngọc Tuấn					X	
140	Võ Phương Lâm					X	
141	Trần Văn Nhật					X	
142	Phạm Minh Trí					X	
143	Phạm Ngọc Chính					X	
144	Trần Văn Cơ						X
145	Nguyễn Chiến Thắng						X
146	Bùi Văn Tuyển						X
147	Nguyễn Xuân Ngọc						X
148	Trần Nguyễn Thị Nhật Lệ						X
149	Nguyễn Thành Trung						X
150	Phạm Văn Hoan			X			
151	Lê Trọng Trung			X			
152	Trần Văn Cảnh			X			
153	Nguyễn Tôn Huỳnh					X	



STT	Nhóm ngành	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
		GS	PGS	TS	TSKH	ThS	ĐH
	<b>Nhóm ngành VII</b>						
154	Nguyễn Văn Tuyển					X	
155	Triệu Xuân Quỳnh					X	
156	Nguyễn Lê Thị An					X	
157	Nguyễn Văn Toàn					X	
158	Phạm Bá Tú					X	
159	Lê Hữu Nguyên					X	
160	Trần Việt Đức Nguyên					X	
161	Lê Quý Thời					X	
162	Nguyễn Minh Tân					X	
163	Lưu Vũ Đức					X	
164	Cao Văn Nam					X	
165	Võ Tá Tỷ					X	
166	Lâm Văn Thanh Bình					X	
167	Nguyễn Tiến Đông					X	
168	Phạm Văn Quyết					X	
169	Bùi Xuân Tiến					X	
170	Lê Hà Khánh					X	
171	Nguyễn Hữu Hùng						X
172	Trương Đình Dũng						X
173	Nguyễn Văn Tuấn						X
174	Trần Đại Độ						X
175	Lê Huy Thanh						X
176	Phan Văn Trị			X			
177	Đặng Thanh Sơn			X			
178	Trương Ngọc Hải					X	
179	Hoàng Thị Anh					X	
180	Ngô Thị Thùy Dương					X	
181	Cao Bá Hòa					X	
182	Lê Võ Đại					X	
183	Nguyễn Thế Cường					X	
184	Nguyễn Thanh Vi					X	
185	Đặng Thế Hiếu					X	
186	Thái Duy Dương					X	

STT	Nhóm ngành	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
		GS	PGS	TS	TSKH	ThS	ĐH
	<b>Nhóm ngành VII</b>						
187	Vũ Nam Hải					X	
188	Bùi Thị Minh Nguyệt					X	
189	Trần Thị Thu Hiền					X	
190	Trương Xuân trường					X	
191	Phạm Thị Thơm					X	
192	Nguyễn Văn Thứ						X
193	Nguyễn Minh Trí						X
194	Nhữ Thái Hưng						X
195	Đặng Mai Hùng						X
196	Phạm Thanh Sơn						X
197	Nguyễn Thị Hiền						X
198	Nguyễn Thị Thái Hòa						X
199	Phùng Mạnh Thắng						X
200	Phan Thanh Sơn			X			
201	Nguyễn Hồng Giang			X		X	
202	Nguyễn Thanh Hải					X	
203	Trần Thị Mỹ Hiền					X	
204	Đình Văn Thế					X	
205	Cao Mạnh Hùng					X	
206	Đỗ Văn Tuấn					X	
207	Nguyễn Văn Hoàn					X	
208	Vũ Văn Cảnh					X	
209	Phùng Bá Tâm					X	
210	Trần Thanh Tùng					X	
211	Phạm Duy Trung						X
212	Nguyễn Tiến Dũng						X
213	Đặng Thị Yến						X
214	Trương Phi Hồ						X
215	Hoàng Văn Long						X
	<b>Tổng của nhóm ngành</b>		<b>03</b>	<b>27</b>		<b>129</b>	<b>59</b>

## **5. Tài chính**

Nhà trường là cơ sở đào tạo công lập, ngân sách thực hiện nhiệm vụ giáo dục- đào tạo do Nhà nước cấp./.

**HIỆU TRƯỞNG**

*(đã ký)*

**Đại tá Bùi Sơn Hà**

